

Quan hệ Hà Tiên - Thuận Hoá thời kỳ khai thiết đồng bằng miền Tây (từ đầu đến nửa sau thế kỉ XVIII)

ĐẶNG HOÀNG GIANG*

Từ thế kỷ XVI, chính quyền Thuận Hoá bắt đầu đẩy mạnh chiến lược Nam tiến. Vào cuối thế kỷ XVII, người Việt đã có mặt tại miền Đông Nam Bộ ngày nay. Năm Mậu Dần (1698), đời chúa Nguyễn Phúc Chu, thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược đất Nam Bộ, lập hai dinh Phiên Trấn (Gia Định) và Trấn Biên (Biên Hoà).

Sự kiện 1698 trở thành cột mốc quan trọng trên bước đường Nam tiến của họ Nguyễn. Sau hành trình gần 100 năm, cư dân Việt đã xác lập được chỗ đứng trên vùng Đông Nam Bộ. Với một thế lực đang trên đà lớn mạnh, chúa Nguyễn hẳn còn muốn vươn xa tới những vùng đất bỏ ngõ của đồng bằng miền Nam. Vả lại, sự suy thoái của hệ thống thương mại ven biển miền Trung càng thúc đẩy người Việt chiếm lĩnh vùng đồng bằng mới ở phía Nam, nhất là khi chúng đem về quá nhiều nguồn lợi: “Từ đầu thế kỷ 18, một số lượng lớn thóc gạo đã bắt đầu được sản xuất tại đồng bằng này và sớm trở thành mặt hàng trao đổi chính của vùng. Sản xuất thóc gạo với mục đích thương mại chắc chắn là một trong những giai đoạn quan trọng nhất của Đàng Trong vào thế kỷ

XVIII và là một biến cố có ý nghĩa trong lịch sử Việt Nam... Nó đã trở thành động cơ thúc đẩy bước phát triển xa hơn nữa xuống phía Nam của người Việt Nam và tạo cơ hội đẩy trọng tâm kinh tế xuống phía Nam. Tất cả những thứ đó cũng đủ để chế độ họ Nguyễn gia tăng nỗ lực đưa đồng bằng sông Cửu Long vào trong hệ thống chính trị và kinh tế của họ”⁽¹⁾.

• Hà Tiên:

Lịch sử Hà Tiên bắt đầu sang trang khi Mạc Cửu, một thương nhân Quảng Đông tị nạn ở Cao Miên, tổ chức dân “tứ chiếng” khai phá xứ này. Sự kiện đó diễn ra vào những năm 70 thế kỉ XVII. Tài liệu Nguyễn ghi nhận: Mạc Cửu “mở phố xá, chiêu tập dân cư trú khắp nơi đến ở Phú Quốc, Cần Bột, Rạch Giá, Lũng Kỳ, Hương úc và Cà Mau, lập thành 7 thôn xã”. Đầu thế kỉ XVIII, sau khi Mạc Cửu từ Xiêm trốn về, Hà Tiên trở nên phồn thịnh.

Bấy giờ, Hà Tiên là một điểm sáng đặc biệt: “Suốt vùng duyên hải nằm trong vịnh Thái Lan, cho đến cuối thế kỷ XVII, trung tâm thương mại nổi tiếng nhất là một cảng sông cũ: Banteay Meas trong tiếng Khmer, Kang Kou (cảng khẩu) trong cách gọi của người Trung Quốc... Một vài

* Đặng Hoàng Giang, Đại học Quốc gia Hà Nội

cảng khác từng tồn tại hoặc đã phát triển trong thế kỷ XVIII ở phía Tây Nam bộ, như Rạch Giá, Hòn Đất và Kampot, nhưng không một cảng nào [trong số các cảng vừa nêu] có thể liên kết được với sông Bassack (Hậu Giang). Chỉ có Banteay Meas, và Hà Tiên nằm ở cửa sông ấy, là có thể tiếp xúc được qua các lộ trình theo mùa với các nhánh hạ lưu Mekong gần Châu Đốc bằng cách xuôi theo dòng của nó, sau đó vượt qua một vùng nằm ở quãng dưới nữa, vùng mà thường ngập sâu dưới nước trong mùa mưa"⁽²⁾.

Tuy nhiên, vị thế kinh tế nổi bật đã khiến Hà Tiên sớm "bị qui hoạch" trong chiến lược bành trướng của các quốc gia láng giềng, nhất là Xiêm La. Nói khác đi, Hà Tiên khởi hưng đúng vào giai đoạn nhạy cảm của các nước lục địa Đông Nam á: họ đang hồi hải tiến về biển, về các đồng bằng phương Nam mới mẻ, màu mỡ và khai phóng. Do vậy, yêu cầu bức thiết của Hà Tiên, vào đầu thế kỉ XVIII, là kiếm tìm một thế lực chính trị để làm chỗ dựa căn bản. Trong bối cảnh đó, Thuận Hoá trở thành lựa chọn cuối cùng của họ.

Quan hệ Đàng Trong - Hà Tiên không chỉ là quan hệ *tâm - biên* đơn thuần. Thực tế, trực quan hệ này mang hơi hướng của mô hình quan hệ triều cống (*tribute relation*), một mô-típ quen thuộc trong truyền thống văn hoá - chính trị Nho giáo phương Đông. Tài liệu thế kỉ XIX ghi chép về cuộc hội ngộ giữa chúa Nguyễn và họ Mạc vào năm 1708 đượm mùi Nho gia, gợi liên tưởng đến hàng loạt sự kiện dâng biểu - phong thần trong chính sử các nước á Đông, đặc biệt là Trung Hoa: "Hiển Tông hoàng đế, năm thứ 17 Mậu Tý (1708), mùa thu, Cửu cùng thuộc hạ là bọn Trương Cầu, Lý Xá mang ngọc lụa đến tận cửa khuyết dâng biểu xưng thần, xin làm Hà

Tiên trưởng. Chúa thấy Cửu tướng mạo khôi ngô kỳ liệt, tiến lui cung kính, cẩn thận, khen là trung thành, bèn ban sắc cho làm thuộc quốc, đặt tên trấn ấy là trấn Hà Tiên, trao Mạc Cửu làm chức Tổng binh, ban cho ấn và thao. Lại sai nội thần tiễn đưa Cửu ra ngoài cửa thành. Ai cũng cho là vinh dự"⁽³⁾.

Một miêu tả khác: "Khi ấy, có một mưu sĩ họ Tô đến nói với Thái Công (chỉ Mạc Cửu) rằng: người Cao Miên ... không thể nào dựa cậy lâu dài được. Chi bằng hãy xin hàng nước Việt, xin nhận chức và xưng thần để làm chỗ căn bản, nếu vạn nhất có xảy ra điều gì thì cũng có người giúp đỡ. Thái Công liền cho là phải bèn sửa thuyền bè, mang theo thuộc hạ và tờ biểu văn, ra đến tận cửa khuyết để xin làm phiên thần. Đó là mùa thu, tháng 8 năm Giáp Ngọ⁽⁴⁾ Lê Triều Tiên Thánh Hiếu Minh Hoàng Đế năm thứ hai mươi tư. Nam triều Tiên Vương thấy Thái Công tướng mạo khôi ngô, dáng vẻ kiệt kiệt, cử chỉ kính cẩn, khen là người có lòng trung thành, bèn hạ chỉ cho làm thuộc quốc, đặt tên đất Thái Công cai trị là trấn Hà Tiên, phong (cho Thái Công) chức Tổng Binh, ban ấn tín và sai nội thần tiễn Thái Công đến tận cửa ải. Thực là một vinh dự đặc biệt hiếm thấy"⁽⁵⁾.

Trong mô hình quan hệ nói trên, Đàng Trong là nhà nước trung tâm, Hà Tiên là thuộc quốc - chư hầu. Hà Tiên vừa chấp nhận sở thuộc Thuận Hoá, vừa được triều đình trung ương ban nhiều đặc ân. Dưới thời các chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725), Nguyễn Phúc Chú (1725 - 1738), Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1756), Nguyễn Phúc Thuần (1765 - 1776), Hà Tiên có được một không gian tự do để xây dựng và phát triển.

- Về kinh tế: Thời Mạc Thiên Tứ, Hà

Tiên được cấp 3 chiếc thuyền Long Bài miễn thuế để giao thương với lân bang. Ưu ái hơn, chúa Nguyễn còn cho phép Hà Tiên đúc tiền riêng, 3 năm ra Huế cống nạp một lần. Sử chép: “Năm Đinh Mão (1747), tháng 4, Mạc Thiên Tứ sai người đi thuyền Long Bài ra Huế đem dâng chúa Nguyễn ngọc kim cương thuỷ hoả, ngọc hạc đỉnh, 20 con trĩ, 1 con gà tây, 1 con chó tây, 5 con vẹt biết nói long ngữ sắc, nhiều thứ chiếu. Chúa Thế Tông ban 4 đạo sắc bổ nhiệm Cai Đội, Đội Trưởng làm việc ở Trấn cùng gấm, đoạn và đồ dùng cho Thiên Tứ, giao thuyền ấy chở về”⁽⁶⁾. Ngoài ra, thuyền Hà Tiên đến giao dịch ở các cảng thuộc Đàng Trong cũng được miễn thuế khá nhiều so với thuyền nơi khác⁽⁷⁾.

- Về ngoại giao: Họ Mạc được quyền chủ động giao thiệp với bên ngoài. Dõi theo lịch sử miền Tây Nam Bộ trong khoảng 50 năm giữa thế kỉ XVIII, đằng sau các sự kiện gắn liền với mối quan hệ phức tạp giữa Đàng Trong - Xiêm - Cao Miên, luôn nổi lên vai trò “con thoi” năng động của Mạc Thiên Tứ. Trong nhiều trường hợp, ông đảm nhận vai trò là người thay mặt chúa Nguyễn giải quyết các vụ việc phát sinh ở vùng biên. Mạc Thiên Tứ cũng cho người mang thư đến Trung Hoa và Nhật Bản để đặt quan hệ thương mại. Trong một bức thư gửi Sô-Gun Nhật Bản viết bằng tiếng Khơmer vào năm 1742, Mạc Thiên Tứ tự gọi mình là “vua Chân Lạp” (Reacea Krong Kampucea Tiptei). Căn cứ vào chi tiết này, Yumio Skurai và Takako Kitagawa cho rằng từ sau thập niên 30 thế kỉ XVIII, Hà Tiên nên được xem là một tiểu quốc (Ha Tien kingdom), mặc dù quan hệ triều cống của nó với Thuận Hoá không được đều kì cho lắm⁽⁸⁾.

- Về quân sự: Hà Tiên được xây đồn

luỹ, lập quân đội riêng. Bấy giờ, dưới quyền Mạc Thiên Tứ là một quân đội đa tộc người: Việt - Hoa - Khơmer - Malay... Dựa vào hệ thống công sự quy củ và cách tổ chức bài bản⁽⁹⁾, quân đội Hà Tiên đã thành công trong các hoạt động tiêu phi và đánh chặn các cuộc lấn chiếm thường xuyên của liên quân Chân Lạp - Xiêm. Năm Kỷ Mùi (1739), quân đội Hà Tiên đã đánh bại cuộc gây hấn của vua Cao Miên là Nặc Thâm. Sau chiến tích này, chúa Nguyễn phong Mạc Thiên Tứ chức Đô đốc tướng quân, ban cho áo bào đỏ, mũ, đai. Vợ ông cũng được chúa phong làm Phu nhân. Bên cạnh đó, Hà Tiên còn được Thuận Hoá hỗ trợ quân sự khi cần thiết. Bởi vậy, năm 1771, khi Hà Tiên thất thủ trước cuộc tấn công dữ dội của người Thái, chúa Nguyễn đã giáng chức Nguyễn Cửu Khôi, triệt hồi Nguyễn Thừa Mân - hai tướng triều đình đóng giữ ở dinh Long Hồ vì đã không kịp thời ứng cứu họ Mạc⁽¹⁰⁾.

- Về văn hoá: Cha con họ Mạc lựa chọn mô hình “Hán hoá” để phát triển. Mạc Thiên Tứ cho lập đền thờ Khổng Tử, mở trường dạy chữ Nho. Ông còn mời các Nho gia đồng hương sang thăm bản doanh và xướng hoạ thơ văn ca ngợi cảnh thái bình. Bản thân Mạc Thiên Tứ là một người được đào tạo giáo lí Nho gia rất bài bản. Xem thư đối đáp giữa ông và Nguyễn Cư Trinh, một túc Nho của Thuận Hoá thế kỉ XVIII, có thể thấy rằng: con người Mạc Thiên Tứ là sự hoà quện giữa cái phóng khoáng, mơ mộng của một thi sĩ với cái hùng tâm, tráng khí của một vị thủ lĩnh⁽¹¹⁾.

Trong bối cảnh Đông Nam Á và Nam Bộ thế kỉ XVIII, sự tồn tại của một mô hình quan hệ mang tính chất **nước lớn - chủ hầu** là một hiện thực lịch sử độc đáo, một lựa chọn khả dĩ cho chiều hướng phát triển của cả Thuận Hoá lẫn Hà Tiên.

Dựa vào một mô hình cổ điển để xây dựng quan hệ, chính quyền họ Nguyễn cho thấy: họ có ý thức định vị mình như một thực thể thuộc về truyền thống văn hoá chính trị phương Đông. ở đó, quan hệ quân - thần với chữ “Trung” làm chất keo kết dính là một nội dung quan trọng, đủ sức vượt qua ranh giới tộc người hạn hẹp (Hoa - Việt) để mang một giá trị liên quốc gia. Chúa Nguyễn đã tự mình tái hiện hình ảnh của một bậc minh quân Nho Giáo truyền thống - một minh quân vừa ân vừa uy, vừa thất vừa mở, vừa ràng buộc vừa vỗ về với chư hầu. Đó là hình ảnh mà Mạc Cửu và rất nhiều nhân vật Trung Hoa đương thời ra sức cứu vãn nhưng đã thất bại. Do vậy, *cách hành xử của họ Nguyễn trở nên ứng hợp với nhu cầu nội tâm của họ Mạc và cộng đồng Hoa dân, những người vẫn nặng lòng hoài cựu: khát khao được tồn tại với những giá trị văn hoá của chính họ.*

Hơn nữa, ngay từ buổi đầu kết nối với Thuận Hoá, cộng đồng lưu dân đã được định hướng phát triển trong khuôn khổ của một cõi Hà Tiên giờ đây đã được “coi nối” thành một Trấn. Vị thế Hà Tiên bỗng chốc đổi khác, không chỉ vì nó vừa được khoác chiếc áo chính danh từ chúa Nguyễn; quan trọng hơn, vai trò của nó đã được nâng cấp trong hệ thống mới. *Trong một tâm thế như vậy, họ Mạc và Hà Tiên không thể không đôn mình lên để đáp ứng những kì vọng mới từ phía Thuận Hoá. Tất yếu, nỗi niềm hồi quốc, tha hương sẽ chuyển hoá thành khát vọng xây dựng đất mới.*

Cần lưu ý, bối cảnh vừa nêu đã tạo một hứng cảm sâu sắc trong tâm thức Mạc Thiên Tứ. Ông không ngần ngại thổ lộ ý thức tộc người. Mạc tự nhận mình là người Việt, và Đàng Trong là “nước nhà” của ông:

Yêu nước nhà phải gài then chốt/Dự phòng khi nhẩy nhót binh đao/Đêm bằng canh trống chuyển lao/Miễn an đất Chúa quản nào thân tôi⁽¹²⁾.

Thơ Mạc Công trĩu nặng nỗi niềm non nước, phản ánh trách nhiệm của người quân tử trước sự an nguy của quốc gia: *Dao kha thước thụ y nan định/Cận dăng giao đàm: mộng diệp lao/Thuỷ niệm thiên nhai mình võ lược/Kinh hoa tòng thủ chăm di cao* (Giang thành dạ cổ). Tạm dịch: *Xa khua ngàn thước nhàn không ổn/Gần động đàm giao mộng khó êm/Mong tới chân trời rung võ lược/Kinh hoa từ đó chắc yên hàn⁽¹³⁾.*

Xuất phát từ nhận thức ấy, họ Mạc và cộng đồng lưu dân đã dấn thân mạnh mẽ cho sự phát triển của Hà Tiên và Thuận Hoá.

Dưới thời Mạc Thiên Tứ, Hà Tiên trở thành trung tâm năng động bậc nhất miền Tây, một xứ mở mang về phong hoá trên đất Nam Bộ. Các địa chí Nguyễn thế kỉ XIX đã nhiều lần nói đến hồi quang của một đô thị cổ Hà Tiên thời họ Mạc. Trịnh Hoài Đức cho ta một miêu tả sống động: Hà Tiên “đường sá giao nhau, phố xá nối liền, người Việt, người Tàu, người Cao Miên, người Chà Và (Java) đều họp nhau sinh sống, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây như mắc cửi, thật là nơi đại đô hội ở nơi dọi biển vậy”⁽¹⁴⁾. Tư liệu mới cho biết thêm: cơ sở dẫn đến sự phồn thịnh của Hà Tiên là tác động của hệ thống thương mại trải trên ba khu vực: Hoa Nam, hạ lưu Mekong và thế giới Mã Lay, trong đó, Hà Tiên là một mắt lưới năng động, một “người chơi lớn”⁽¹⁵⁾.

Sự xuất hiện của Hà Tiên đã gây nên một hiệu ứng đặc biệt đối với quá trình

kinh dinh miền Tây của người Việt. Giai đoạn này, vai trò quan trọng nhất của họ Mạc là trở thành người hoà giải, điều tiết các tình huống căng thẳng giữa Chân Lạp và Đàng Trong. Dưới sự sắp đặt khéo léo của họ Mạc, “cắt đất - tạ ơn”, “cắt đất - chuộc tội” trở thành hình thức dàn xếp giao tranh hết sức hiệu quả, mà người hưởng toàn lợi là chúa Nguyễn. Nhờ đó, chính quyền Thuận Hoá ngày một lậm sâu vào hạ lưu Mekong. Năm 1755, vua Chân Lạp nhường hai phủ Tâm Bôn và Lôi Lạp (miền Gò Công và Tân An ngày nay). Hai năm sau, Nặc Tôn tiếp tục cắt 5 phủ: Cần Bột (KamPót), Vũng Thơm (Hương úc, Kompongsom), Chân Rùm (Nam bộ tỉnh Treang), Sài Mạt (Bentey Méas), Linh Quỳnh. Chúa Nguyễn cho Hà Tiên quản lãnh 5 phủ mới. Mạc Thiên Tứ xin lập thêm đạo Kiên Giang ở Rạch Giá và đạo Long Xuyên ở Cà Mau. Từ đó khu vực từ Hậu Giang sông Cửu Long ra đến biển phía Đông và phía Tây đều thuộc chúa Nguyễn. Hành trình Nam tiến đến đây coi như khép lại⁽¹⁶⁾.

Sự tồn tại của trục quan hệ Hà Tiên - Thuận Hóa là một động lực quan trọng của lịch sử Hà Tiên và Thuận Hóa trong khoảng 5 thập niên của thế kỉ XVIII. Dù mỗi ràng buộc ấy còn được kéo dài trong các thời kì tiếp theo, nhưng khoảng thời gian vừa nêu là giai đoạn thể hiện rõ ràng nhất nội dung, bản chất và hệ quả của nó. Đặc điểm chính của mối quan hệ này là nó được tổ chức theo mô hình quan hệ triều cống (*tribute relation*), một mô hình thấm đẫm sắc thái Nho giáo - phương Đông. Nhờ vậy, Hà Tiên không những trở thành một chủ thể quan hệ đặc biệt của Thuận Hóa, mà còn có điều kiện triển khai toàn bộ năng lực trong bối cảnh mở cõi của người Việt trên đất Nam Bộ./.

CHÚ THÍCH

1. Litana (1999), *Xứ Đàng Trong: lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18* (Nguyễn Nghị dịch), Nxb Trẻ, Thành phố HCM, tr. 218.
2. Dẫn theo Yumio Sakurai *Eighteenth-Century Chinese Pioneers on the Water Frontier of Indochina*, tldd, p. 46.
3. Nhiều tác giả: *Hà Tiên đất nước và con người*, Nxb Mũi Cà Mau, HCM, 1999.
4. Chỗ này Mạc thị gia phả ghi sai. Đúng ra là năm Mậu Tý (1708), chứ không phải năm Giáp Ngọ (1714). Trương Minh Đạt đã đưa ra nhiều luận điểm thuyết phục để chứng minh niên đại 1708 mới là thời điểm chính xác. Xem: Trương Minh Đạt (2001), *Nhận thức mới về đất Hà Tiên*, Nxb Trẻ, Thành phố HCM.
5. Vũ Thế Dinh: *Mạc thị gia phả* (Nguyễn Khắc Thuần dịch, giới thiệu và chú thích), Nxb Giáo dục, H, 2005., tr 15.
6. Dẫn theo Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 339.
7. Lê Quý Đôn (1977), *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, tr. 229-230.
8. Yumio Sakurai và Takako Kitagawa, tldd, p. 160.
9. Xem thêm: Đặng Hoàng Giang (2008), *Theo dấu đô thị cổ Hà Tiên*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 10, Hà Nội.
10. Phan Khoang, sách đã dẫn, tr. 347.
11. *Phủ biên tạp lục*, sách đã dẫn, (quyển V - Nhân tài, thơ văn).
12. Dẫn theo: Nhiều tác giả (1999), *Hà Tiên đất nước và con người*, Nxb Mũi Cà Mau, Thành phố HCM.
13. *Phủ biên tạp lục*, sách đã dẫn, tr. 246.
14. Đặng Hoàng Giang (2008), *Theo dấu đô thị cổ Hà Tiên*, tldd.
15. Li Tana và Paul A. Vandyke (2007), *Canton, Cancao, and Cochinchina: new data and new light on eighteenth-century Canton and the Nanyang*, E-journal of Chinese South diaspora studies, no. 1.
16. Phan Khoang, tldd, tr .346.